

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-TTCP ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Thanh tra Chính phủ quy định việc xây dựng, phê duyệt Định hướng chương trình thanh tra và ban hành kế hoạch thanh tra;

Căn cứ Văn bản số 2220/TTCP-KHTH ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Thanh tra Chính phủ định hướng Chương trình thanh tra năm 2025;

Căn cứ Văn bản số 2221/TTCP-KHTH ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Thanh tra Chính phủ về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch thanh tra năm 2025;

Căn cứ Kết luận số 729-KL/BCSĐTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ban Cán sự đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Kế hoạch thanh tra và Kế hoạch kiểm tra năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Có Danh mục các cuộc thanh tra kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chánh Thanh tra Bộ chủ trì tổ chức thực hiện Kế hoạch này; căn cứ tình hình triển khai thực tế và yêu cầu của công tác quản lý nhà nước đề xuất việc điều chỉnh Kế hoạch này báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra Bộ trong quá trình thực hiện Kế hoạch này và gửi đề xuất về Thanh tra Bộ các nội dung phát sinh cần tiến hành thanh tra thuộc lĩnh vực mà đơn vị được giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Thủ trưởng các đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc Bộ, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thanh tra Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Thứ trưởng;
- Các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Quốc phòng;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Thanh tra các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công Thông tin điện tử Bộ TNMT;
- Lưu: VT, TTr.



BỘ TRƯỞNG



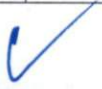
Đỗ Đức Duy

**DANH MỤC CÁC CUỘC THANH TRA NĂM 2025
CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

ST T	NỘI DUNG	Đối tượng	Địa điểm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Căn cứ	Ghi chú
I	Thanh tra Bộ							
1	Thanh tra chuyên ngành							
1.1	Thanh tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về đất đai, bảo vệ môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước, đo đạc bản đồ, biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, 02 Ủy ban nhân dân cấp huyện và chủ đầu tư một số dự án <i>(Thu thập thông tin, tài liệu, lựa chọn đối tượng báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định trước khi ban hành quyết định thành lập đoàn thanh tra)</i>	Quảng Trị	Thanh tra Bộ	Vụ Đất đai; Cục Đ ĐBĐ&TTĐL VN; Cục Quản lý TNN	Tháng 4-7	Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương; Nghị quyết số 82/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội; các Nghị quyết: số 116/NQ-CP ngày 06/12/2019, số 73/NQ-CP ngày 29/3/2019 của Chính phủ; các Chỉ thị: số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016, số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015, số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020, số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản 2220/TTCP-KHTH và 2221/TTCP-KHTH ngày 23/10/2024 của Thanh tra Chính phủ	
1.2	Thanh tra việc chấp hành pháp luật đất đai, bảo vệ môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước, đo đạc bản đồ		Hậu Giang	Thanh tra Bộ	Vụ Đất đai; Cục Đ ĐBĐ&TTĐL VN; Cục Quản lý TNN	Tháng 4-7		
2	Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra			Thanh tra Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ có liên quan	Năm 2025	Luật Thanh tra năm 2022	
3	Thanh tra đột xuất; thanh tra lại			Thanh tra Bộ	Các địa phương và đơn vị có liên quan	Năm 2025	Luật Thanh tra năm 2022	

ST T	NỘI DUNG	Đối tượng	Địa điểm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Căn cứ	Ghi chú
4	Giám sát các đoàn thanh tra			Thanh tra Bộ		Năm 2025	Luật Thanh tra năm 2022	
5	Hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra; tập huấn, hướng dẫn về công tác thanh tra, kiểm tra năm 2025			Thanh tra Bộ	Các đơn vị trực thuộc Bộ; các Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 1-3	Luật Thanh tra năm 2022 và yêu cầu của công tác quản lý nhà nước	
II Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất								
1	Thanh tra về việc chấp hành pháp luật đất đai: (1) công tác lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện; (2) công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; (3) công tác đấu giá quyền sử dụng đất; (4) Công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; (5) việc quản lý, sử dụng đất đối với dự án không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất tại địa phương	(1) UBND tỉnh; (2) Sở TNMT tỉnh; (3) UBND cấp huyện; (4) các dự án không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất trên cơ sở báo cáo kết quả về xử lý dự án chậm tại địa phương	Thừa Thiên Huế	Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất	Các cơ quan và địa phương có liên quan	Tháng 3-4	Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản 2220/TTCP-KHTH và 2221/TTCP-KHTH ngày 23/10/2024 của Thanh tra Chính phủ.	<i>Lồng ghép với nội dung kiểm tra của Vụ Đất đai</i>
			Cà Mau			Tháng 5-6		
			Tiền Giang			Tháng 10-11		
2	Thanh tra đột xuất					Năm 2025		
III Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường								
	Thanh tra đột xuất			Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường		Năm 2025		



ST T	NỘI DUNG	Đối tượng	Địa điểm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Căn cứ	Ghi chú
IV	Cục Khoáng sản Việt Nam							
1	Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra do Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (trước đây) thực hiện	Đối tượng cụ thể tại Phụ lục đính kèm	Quảng Ninh	Cục Khoáng sản Việt Nam	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 7-8	Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị; Văn bản 2220/TTCP-KHTH và 2221/TTCP-KHTH ngày 23/10/2024 của Thanh tra Chính phủ	
			Khánh Hòa			Tháng 4-5		
			Đồng Nai			Tháng 5-6		
			Bình Dương			Tháng 4-5		
			Long An			Tháng 7-8		
2	Thanh tra đột xuất			Cục Khoáng sản Việt Nam		Năm 2025		

Tổng kinh phí : 12.300 triệu đồng (Mười hai tỷ ba trăm triệu đồng), bao gồm:

1. Nguồn kinh phí của Thanh tra Bộ: 6.400 triệu đồng, bao gồm:

1.1. Nguồn kinh phí quản lý hành chính: 3.400 triệu đồng (trong đó: kinh phí thanh tra, kiểm tra đột xuất là 1.000 triệu đồng);

1.2. Nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường: 3.000 triệu đồng (trong đó: kinh phí thanh tra, kiểm tra đột xuất là 1.500 triệu đồng).

2. Nguồn kinh phí quản lý hành chính của Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất: 500 triệu đồng (trong đó: kinh phí thanh tra, kiểm tra đột xuất là 200 triệu đồng).

3. Nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường: 4.600 triệu đồng (trong đó: kinh phí thanh tra, kiểm tra đột xuất là 4.600 triệu đồng).

4. Nguồn kinh phí quản lý hành chính của Cục Khoáng sản Việt Nam 800 triệu đồng (trong đó: kinh phí thanh tra, kiểm tra đột xuất là 500 triệu đồng).

**Phụ lục: Danh sách đối tượng kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra
về khoáng sản năm 2025**

(Đính kèm Danh mục các cuộc kiểm tra năm 2025 của các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường được tại Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tỉnh (thành phố)/Tổ chức	Địa điểm	Ghi chú (loại khoáng sản)
I	Tỉnh Quảng Ninh (30 Giấy phép)		
1	Công ty than Hòn Gai - TKV	02 Giấy phép, mỏ Suối Lại, phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long	Than
2	Công ty than Dương Huy - TKV	03 Giấy phép, mỏ Khe Tam, xã Dương Huy, thành phố Cẩm Phả	Than
3	Công ty than Hạ Long -TKV	01 Giấy phép, mỏ Bắc Cọc Sáu, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả	Than
4	Công ty than Thống Nhất -TKV	01 Giấy phép, mỏ Lộ Trí, phường Cẩm Tây, Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả	Than
5	Công ty than Quang Hanh -TKV	01 Giấy phép, mỏ than Ngã Hai thuộc xã Dương Huy, TP Cẩm Phả	Than
6	Công ty than Khe Chàm - TKV	01 Giấy phép, mỏ Khe Chàm III, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả	Than
7	Công ty Than Mạo Khê-TKV	01 Giấy phép, mỏ Mạo Khê, thuộc các xã Kim Sơn, Yên Thọ, Bình Khê, Trảng Lương và thị trấn Mạo Khê, huyện Đông Triều	Than
8	Công ty Than Uông Bí-TKV	06 Giấy phép, thuộc các huyện Đông Triều, Hoàn Bò và thành phố Uông Bí	Than
9	Công ty Than Nam Mẫu-TKV	02 Giấy phép, mỏ Nam Mẫu, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	Than
10	Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin	01 Giấy phép, mỏ Hà Lâm, phường Hà Lâm, phường Hà Trung, TP Hạ Long	Than
11	Công ty cổ phần Than Hà Tu-Vinacomin	01 Giấy phép, khu Bắc Bàng Danh, phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long	Than
12	Công ty cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin	01 Giấy phép, mỏ Núi Béo, phường Hà Tu, thành phố Hạ Long	Than
13	Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin	01 Giấy phép, mỏ than Khe Chàm II, phường Cẩm Tây và	Than



STT	Tỉnh (thành phố)/Tổ chức	Địa điểm	Ghi chú (loại khoáng sản)
		Mông Dương, thành phố Cẩm Phả	
14	Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin	01 Giấy phép, mỏ Đèo Nai, thành phố Cẩm Phả	Than
15	Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	02 Giấy phép, mỏ than Mông Dương, thành phố Cẩm Phả	Than
16	Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	03 Giấy phép, mỏ than Vàng Danh, thành phố Uông Bí	Than
17	Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	02 Giấy phép, mỏ Đông Tràng Bạch thuộc các phường Phương Đông và Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	Than
II	Tỉnh Khánh Hòa (15 Giấy phép)		
1	Công ty TNHH Tâm Việt	Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh	Đá granit làm ốp lát
2	Công ty cổ phần Chế biến gỗ Việt Đức	Xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh	Đá granit làm ốp lát
3	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Sơn Phát	Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh	Đá granit làm ốp lát
4	Công ty cổ phần Phú Tài	Khu vực Hòn Chuông, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh	Đá granit làm ốp lát
5	Công ty cổ phần An Phước	Cây Sung 2, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh	Đá granit làm ốp lát
6	Công ty TNHH granite Đại Thành	Hòn Chuông, xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh	Đá granit làm ốp lát
7	Công ty TNHH granite Bách Việt	Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh	Đá granit làm ốp lát
8	Công ty TNHH Sao Biển	Núi Đạn thuộc xã Xuân Sơn, huyện Vạn Ninh	Đá granit làm ốp lát
9	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Tân Dân 2, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	Đá granit làm ốp lát
10	Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng Khánh Hòa	Mỏ Tân Dân, xã Vạn Thắng và xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	Đá granit làm ốp lát
11	Công ty cổ phần Du lịch khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	Xí nghiệp 1 - Vĩnh Phương, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang	Nước khoáng
12	Tổng công ty Khánh Việt	KP1 - Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Khánh Vĩnh	Nước khoáng
13	Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	ĐT1&ĐT2 - Đảnh Thạnh, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh	Nước khoáng
14	Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	SD02 - Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm	Nước khoáng

STT	Tỉnh (thành phố)/Tổ chức	Địa điểm	Ghi chú (loại khoáng sản)
15	Công ty cổ phần Nha Trang Seafoods-F17	HT1 - Hòn Thơm, xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang	Nước khoáng
III	Tỉnh Đồng Nai (10 Giấy phép)		
1	Tổng Công ty Cp Phong Phú	Núi đá đội 1, Gia Canh, Định Quán	Đá granit làm ốp lát
2	Tổng Công ty Cp Phong Phú	Hang doi, Gia Canh, Định Quán	Đá granit làm ốp lát
3	Công ty Cổ phần Vital	Giếng khoan GK.DD1 xã Đồi 61, huyện Trảng Bom	Nước khoáng
4	Công ty CP XD và SXLVD	Trảng Bom 1, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom	Đá XD và puzolan
5	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa	Mỏ đá Tân Cang 1, xã Phước Tân, Biên Hòa	Đá xây dựng
6	HTX An Phát	Tân Cang 7, xã Phước Tân, Biên Hòa	Đá xây dựng
7	Công ty TNHH XNK&TM Phú Minh Châu	Núi Nứa, xã Xuân Lập, thị xã Long Khánh	Đá xây dựng
8	Công ty cổ phần Công trình Giao thông 623	Thiện Tân 4, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu	Đá xây dựng
9	HTX Công nghiệp Phú Xuân	Đạ Quay, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú	Cát xây dựng
10	Công ty CP Đồng Tân	Mỏ cát Trị An 1, huyện Vĩnh Cửu	Cát xây dựng
IV	Tỉnh Bình Dương (10 Giấy phép)		
1	CT TNHH TMDV Liên Hiệp	Xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên	Đá xây dựng
2	CT TNHH TMDV Hồng Đạt	Xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên	Đá xây dựng
3	Cty TNHH Đá Xây Dựng Bình Dương	Xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên	Đá xây dựng
4	Công ty TNHH Bảo Thành	Thường Tân VII- khu 1, huyện Bắc Tân Uyên	Đá xây dựng
5	CT CP ĐTXD May Thêu Tân Tiến	Xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng	Đá xây dựng
6	Công ty CP Miền Đông (TP)	Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên	Đá xây dựng
7	Công ty TNHH MTV Gạch Hải Nguyên	Định Hiệp 4, xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng	Sét gạch ngói

✓

STT	Tỉnh (thành phố)/Tổ chức	Địa điểm	Ghi chú (loại khoáng sản)
8	Công ty TNHH Thổ Đại Thành	Định An 2, xã Định An, huyện Dầu Tiếng	Sét gạch ngói
9	Công ty Cổ phần VL&XD Bình Dương	xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng	Sét gạch ngói
10	Công ty CP gạch ngói Cao Cấp	Phước Hòa, huyện Phú Giáo	Sét gạch ngói
V	Tỉnh Long An (02 Giấy phép)		
1	Công ty TNHH La Vie	Lỗ khoan LKSP4, phường Khánh Hậu, thành phố Tân An	Nước khoáng
2	Công ty TNHH La Vie	Lỗ khoan LKSP3, phường Khánh Hậu, thành phố Tân An	Nước khoáng

